

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YD
TỈNH BG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: **103/2023/HS-ST**

Ngày 27-11-2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YD, TỈNH BG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà NTTT

Các hội thẩm nhân dân: Ông LNB và bà NTTK

Thư ký phiên tòa: Ông MAT - Thư ký Tòa án nhân dân huyện YD, tỉnh BG.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YD tham gia phiên tòa: Ông LVT
- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh BG và điểm cầu thành phần Trại tạm giam Công an tỉnh BG, Tòa án nhân dân huyện YD, tỉnh BG xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 112/2023/TLST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2023/QĐXXST-HS ngày 17/11/2023, đối với bị cáo: **NVA**, sinh năm 1990; tên gọi khác: Tạo; nơi cư trú: TDPK, TTTA, huyện YD, tỉnh BG; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hoá: 09/12; con ông NVT, sinh năm 1970 và bà NTD, sinh năm 1972; vợ là NTM, sinh năm 1995; bị cáo chưa có con;

- Tiền án: Bản án số 26/2018/HSST ngày 28/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện YD, tỉnh BG xử phạt 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Bản án số 120/2018/HSST ngày 18/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố BG xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt tù với Bản án số 26/2018/HSST ngày 28/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện YD, buộc NVA phải thi hành hình phạt chung là 01 năm 10 tháng tù; Bản án số 25/2021/HSST ngày 10/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố BG, tỉnh BG xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/5/2022).

- Nhân thân: Bản án số 09B/2013/HSST ngày 27/02/2013 của Tòa án nhân dân huyện YD, tỉnh BG xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/9/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh BG. *(Có mặt)*

- *Bị hại:* Bà NTL, sinh năm 1965, địa chỉ: TDPT, TTTA, huyện YD, tỉnh BG. *(Vắng mặt)*

- *Người làm chứng:*

+ Anh NVT, sinh năm 1979; địa chỉ: TDPT, TTТА, huyện YD, tỉnh BG.
(Vắng mặt)

+ Anh NSB, sinh năm 1985; địa chỉ: TDPT, TTТА, huyện YD, tỉnh BG.
(Vắng mặt)

+ Anh NVT, sinh năm 1977; địa chỉ: TDPT, TTТА, huyện YD, tỉnh BG.
(Vắng mặt)

+ Chị DTMT, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ 4, TTQM, huyện ML, thành phố HN. (Vắng mặt)

+ Bà NTK, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn XK, xã DK, huyện DC, tỉnh NA.
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: NVA là đối tượng nghiện ma túy, không có công việc ổn định và có 03 tiền án về tội trộm cắp tài sản. Vì muốn có tiền chi tiêu cá nhân nên A nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của người khác mang đi bán lấy tiền. Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 05/9/2023, A điều khiển xe mô tô biển số 37P3-5272 đến đoạn đường trước cổng gia đình bà NTL, A nghe thấy tiếng gà kêu bên trong vườn. A nhìn vào trong nhà quan sát thấy không có ai nên đỗ xe mô tô ở lề đường rồi trèo tường vào vườn nhà bà L, lấy 01 bao tải dưa màu đỏ ở sân nhà rồi vào vườn bắt 06 con gà (gồm 01 con gà trống và 05 con gà mái) trong vườn cho vào bao tải. A buộc đầu của bao tải rồi trèo tường ra ngoài, khi trèo lên bờ tường thì A quan sát ở ngoài đường có anh NVT và anh NSB đi đến cổng nhà bà L. Thấy hành vi trộm cắp của mình đã bị phát hiện nên A vứt lại bao tải rửa đựng gà vào vườn nhà bà L rồi trèo tường ra ngoài sau đó ngồi lên xe mô tô bỏ chạy. Khoảng 10 giờ cùng ngày 05/9/2023, bà NTL về đến nhà thì được anh Thuật và anh Bằng cho biết gia đình vừa bị trộm cắp nên bà L đã làm đơn trình báo Công an TTТА, huyện YD.

Cùng ngày 05/9/2023, Công an TTТА đã đến hiện trường phát hiện 01 bao tải rửa buộc kín, kiểm tra bên trong có 06 con gà gồm 01 con gà trống và 05 con gà mái (trong đó có 03 con gà mái đã chết), tiến hành cân xác định tổng trọng lượng 06 con gà là 17kg. Cùng ngày, NVA tự nguyện đi đến Công an TTТА đầu thú và giao nộp 01 xe mô tô biển số 37P3-5272. Cùng ngày Công an TTТА bàn giao đối tượng A cùng toàn bộ tài liệu, vật chứng liên quan cho Công an huyện YD giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 63 ngày 11/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện YD kết luận: 06 con gà trong đó có 01 con gà trống, màu đỏ, lông màu nâu-đỏ và 05 con gà mái, lông màu vàng- nâu có tổng khối lượng là 17kg trị giá 1.700.000 đồng; 01 bao tải dưa màu đỏ không có nhãn mác trị giá 0 đồng.

Ngày 14/9/2023, Cơ quan điều tra đã trả bà NTL 06 con gà, bà L đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì.

Tại cơ quan điều tra, NVA đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 110/CT-VKSYD ngày 13/11/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện YD đã truy tố NVA về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo A đã khai nhận toàn bộ nội dung, diễn biến hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu. Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của bị hại và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa. Bị cáo không có ý kiến gì.

Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YD giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo NVA từ 10 đến 12 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời hạn tù tính từ ngày 05/9/2023; không đặt ra xem xét về trách nhiệm dân sự do bị hại không có yêu cầu; áp dụng Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định.

Bị cáo nhất trí với nội dung bản luận tội của Kiểm sát viên và không có ý kiến tranh luận gì.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật và mong Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an huyện YD và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện YD và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng trình tự, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, có đủ cơ sở xác định các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị hại, người làm chứng vắng mặt nhưng đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án, căn cứ các điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người trên.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại, người làm chứng, biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, vật chứng

thu giữ và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện nội dung vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 05/9/2023, tại gia đình bà NTL, bị cáo NVA có hành vi trộm cắp 06 con gà và 01 bao tải rứa trị giá 1.700.000 đồng của gia đình bà L. Khi A cho 06 con gà vào bao tải buộc lại treo lên tường nhà bà L thì bị người dân phát hiện nên A đã bỏ lại toàn bộ tài sản trộm cắp được và bỏ chạy. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Trị giá tài sản bị cáo trộm cắp có giá trị dưới 2.000.000 đồng nhưng do bị cáo có tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện YD, tỉnh BG truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

[4.1] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo tuy biết hành vi của mình vi phạm pháp luật và sẽ bị nghiêm trị nhưng bị cáo vẫn cố ý phạm tội. Mặc dù đã rất nhiều lần bị xét xử và phạt tù về hành vi trộm cắp tài sản nhưng bị cáo vẫn tiếp tục phạm tội cho thấy bị cáo rất liều lĩnh, coi thường pháp luật, khó cải tạo. Hành vi phạm tội của bị cáo gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự với mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[4.2] Xét về nhân thân: Bị cáo đã từng 04 lần bị Tòa án xét xử về hành vi Trộm cắp tài sản và có 03 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”.

[4.3] Xét tình tiết tăng nặng: Do bị cáo có 03 tiền án cùng về tội “Trộm cắp tài sản” tuy nhiên lần phạm tội này của bị cáo tài sản trộm cắp có giá trị dưới 2.000.000 đồng nên theo hướng có lợi cho bị cáo thì bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4.4] Xét tình tiết giảm nhẹ: Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân; sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Từ tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo như trên, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo và phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có thể giáo dục bị cáo trở thành công dân biết tuân thủ pháp luật và giúp đỡ, phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này. Tuy nhiên, cũng cần căn cứ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình để bị cáo thấy được sự

khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo. Việc xử phạt bị cáo với mức hình phạt trong khung như Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có công việc, nghề nghiệp, thu nhập gì. Sau khi đầu thú bị tạm giam, không có điều kiện để đảm bảo thi hành án đối với khoản tiền phạt. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà L đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì về trách nhiệm dân sự. Do vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 chiếc biển kiểm soát 37P3-5272 và 01 bao tải dứa màu đỏ là công cụ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8] Đối với chiếc xe mô tô gắn biển kiểm soát 37P3-5272 thu giữ của NVA: Đây là phương tiện bị cáo A sử dụng đi đến nhà bà L để trộm cắp tài sản. Bị cáo khai mua chiếc xe trên của một người không quen biết, không biết tên, tuổi, địa chỉ vào khoảng tháng 3/2023 với giá 3.000.000 đồng tại tỉnh Hưng Yên để sử dụng làm phương tiện đi lại. Quá trình điều tra xác định được chiếc xe mô tô trên nhãn hiệu Yamaha sirius, biển kiểm soát 88F1- 486.51 là của chị DMT bị trộm cắp vào khoảng tháng 3/2023 tại địa phận tỉnh HY nhưng chị T không làm đơn trình báo cơ quan Công an. Ngày 01/11/2023, Cơ quan điều tra Công an huyện YD đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại chị T chiếc xe mô tô trên. Đến nay chị T không có ý kiến gì. Bị cáo A nhất trí trả lại chiếc xe trên cho chị T và không có ý kiến hay yêu cầu gì. Do vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Đối với 01 chiếc biển kiểm soát 37P3-5272: Quá trình điều tra đã xác định được, chiếc biển kiểm soát trên là của chiếc xe mô tô nhãn hiệu Atila, màu sơn bạc của bà NTK nhưng bà K đã bán xe mô tô gắn biển kiểm soát trên cho một người không quen biết năm 2009, hiện nay bà không còn quản lý xe mô tô này và không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với chiếc xe cũng như chiếc biển kiểm soát trên. Bị cáo cũng không có ý kiến gì về chiếc biển kiểm soát trên.

[10] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án hình sự sơ thẩm là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[11] Ngoài ra cần áp dụng quy định Điều 331; Điều 333; khoản 1 Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự để tuyên về quyền kháng cáo, kháng nghị.

Từ những phân tích đã giá như trên, Hội đồng xét xử thấy đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, điều khoản áp dụng, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt và các vấn đề khác trong vụ án là phù hợp, có căn cứ và đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 292; Điều 293; Điều 331; Điều 333; khoản 1 Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Hình phạt: Xử phạt bị cáo NVA **10** (Mười) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời gian chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 05/9/2023.

2. Vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) chiếc biển kiểm soát 37P3-5272 và 01 bao tải chứa màu đỏ.

3. Án phí: Bị cáo Nguyễn A phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

5. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b; 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BG;
- VKSND tỉnh BG;
- VKSND huyện YD;
- Chi cục THADS huyện YD;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Công an huyện YD;
- Sở tư pháp tỉnh BG;
- Trại tạm giam Công an tỉnh BG;
- UBND phường, xã nơi cư trú bị cáo;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

NTTH